TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 196/2017/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 03 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ thụ lý số: 220/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Trinh N**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Ngô Toàn T**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/6/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Trinh N với anh Ngô Toàn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Trinh N và anh Ngô Toàn T thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Chị N và anh T có 01 người con chung tên Ngô Nhật T, sinh ngày: 14/5/2006. Hiện nay, con chung đang sống với chị N. Chị N và anh T thỏa thuận sau khi ly hôn: Chị N sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị N và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị N và anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Trinh N tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Do chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0010017 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Trinh N được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự; TAND tỉnh;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga